

Số: 677/QĐ-TMDL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGDĐT ngày 01/09/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2024 theo biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính HN để b/c;
- Lưu VT, TCHCQT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
Trịnh Thị Thu Hà

Biểu số 02 - Ban hành theo thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.
Đơn vị: Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội
Chương 599.

CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 677/QĐ-TMDL ngày 20 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí tuyển sinh	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi phí quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí tuyển sinh	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	23.447
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.117



	<i>Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ</i>	4.117
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	19.330
-	Chi nghiệp vụ	2.768
-	Mua sắm, sửa chữa TSC	16.000
-	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp các công trình	562
	Sửa chữa, bảo dưỡng: Tường rào, cổng, nhà bảo vệ, đường xung quanh trường, sân trường (trước nhà A3), hệ thống thoát nước, nhà hội trường A3.	562
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi chương trình mục tiêu	
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
	(chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi chương trình mục tiêu	
	(chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

